

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KINH TẾ (1946-1954)

TS LÊ ĐỨC THUẬN

Học viện Chính trị - Bộ Quốc Phòng

Ngày nhận:

27-10-2021

Ngày thẩm định, đánh giá:

20-1-2022

Ngày duyệt đăng:

10-2-2022

**Tóm tắt:** Trước dã tâm của thực dân Pháp hòng tái xâm lược Việt Nam, ngày 19-12-1946, thay mặt Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được xác định là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Bên cạnh đường lối kháng chiến về chính trị, quân sự, văn hoá-xã hội, ngoại giao, kháng chiến về kinh tế được xác định là một nội dung quan trọng góp phần đưa đến thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Bài viết tập trung làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo kinh tế phục vụ kháng chiến giai đoạn 1946-1954.

**Từ khóa:**

Đường lối kháng chiến;  
xây dựng kinh tế;  
1946-1954.

## 1. Đường lối kinh tế của Đảng (1946-1954)

Ngày 19-12-1946, sau những nỗ lực gìn giữ nền hòa bình không thành, cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp chính thức bùng nổ. Trờ lại xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp triệt để sử dụng những ưu thế về quân sự, kinh tế để đánh phá cách mạng Việt Nam. Trên lĩnh vực kinh tế, thực dân Pháp tìm mọi cách bao vây, phong tỏa những thành phố lớn, hải cảng, sân bay, các tuyến đường giao thông quan trọng; những khu vực giàu tài nguyên khoáng sản như mỏ than ở Hòn Gai, vùng đồn điền cao su ở Đông Nam

Bộ, các vùng sản xuất lúa gạo lớn ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long... Bên cạnh đó, thực dân Pháp tìm mọi cách khống chế Ngân hàng Đông Dương, dùng nhiều thủ đoạn bao vây, lũng đoạn tài chính, tiền tệ...

Trước tình hình đó, Đảng đã đề đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp nói chung, trong đó có đường lối kháng chiến về kinh tế nói riêng. Theo đó, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp về kinh tế có hai nội dung: “phá kinh tế địch... xây dựng kinh tế của ta”<sup>1</sup>. Hai nội dung này được tiến hành đồng thời. Phá hoại kinh tế địch là làm phá hoại âm mưu “lấy chiến

tranh nuôi chiến tranh” của địch, bằng các cách như: phá hủy máy móc, kho tàng, đường vận tải của địch; chống chính sách cướp phá của địch... Xây dựng nền kinh tế của ta bằng cách vừa kháng chiến vừa kiến quốc, thực hiện tự cung, tự cấp về mọi mặt. “Không phải kháng chiến thành công rồi thì mới kiến thiết. Nhưng phải kiến thiết trong kháng chiến, kiến thiết để kháng chiến”<sup>2</sup>. Đảng chủ trương một mặt chuyển toàn bộ nền kinh tế cho phù hợp với điều kiện chiến tranh, mặt khác, tiến tới xóa bỏ những tàn tích của quan hệ sản xuất cũ, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới “làm cho kinh tế cá thể, kinh tế hợp tác xã và kinh tế quốc doanh, công tư hợp doanh đồng thời phát triển... làm cho các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia phát triển kinh tế”<sup>3</sup>. Trong xây dựng và phát triển kinh tế, chú trọng nhất là phát triển nông nghiệp, thứ đến là thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp. Trong công nghiệp, chú trọng nhất là công nghiệp chế tạo vũ khí, công nghiệp sửa chữa và công nghiệp khai thác nguyên liệu; ngoài ra chú trọng mở mang giao thông vận tải để phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

Từ chủ trương lớn đó, Đảng đề ra một số chính sách lớn cần thực hiện:

*Một là, tăng gia sản xuất:* “Phát động phong trào thi đua tăng gia sản xuất... động viên nhân lực, vật lực, tài lực... dân quân phải bám lấy đồng ruộng mà cày cấy... Khuyến khích và phát triển lối đổi công làm giúp và hợp tác xã làm chung. Dem đồng bào di cư, tản cư, nhất là những người có năng lực sản xuất, từ những vùng bị chiến tranh tàn phá đến những vùng tương đối yên ổn, sẵn đất mà thiếu nhân công, để lập nên những trại sản xuất xung phong”<sup>4</sup>

*Hai là, tăng thu, giảm chi, thực hành tiết kiệm:* “Phải lập ngân sách kháng chiến. Hai

nguồn cung cấp chính của ngân sách đó là các loại thuế và lợi tức của các xí nghiệp, quốc doanh. Thuế phải thu theo nguyên tắc dân chủ, nghĩa là: người giàu đóng nhiều, người nghèo đóng ít, người nghèo quá thì được miễn. Muốn thắng bằng ngân sách, phải tăng thu và giảm chi đúng mức. Phải thi hành chính sách tiết kiệm”<sup>5</sup>

*Ba là, giảm nhẹ dân sự gánh vác của nhân dân:* “Thuế khóa, đằm phụ... phải được giảm nhẹ dân cho nhân dân đỡ phải đóng góp. Đồng thời, phải thi hành từng bước chính sách ruộng đất để bồi dưỡng cho nông dân, vì nông dân là nguồn nhân lực, vật lực lớn nhất của kháng chiến”<sup>6</sup>.

*Bốn là khuyến khích, thưởng phạt:* “Không có thưởng phạt là một điều thiếu sót. Cho nên phải mở cuộc thi về sản vật và nghề nghiệp. Đặt huân chương tặng những anh hùng lao động, những chiến sĩ thi đua, những nhà phát minh tài giỏi, những nhà hăng sản, hăng tâm. Đồng thời, nghiêm trị những bọn ăn cắp của công, đầu cơ, buôn lậu, tích trữ, phá hoại; tịch thu tài sản của bọn phản quốc dùng vào việc cải thiện đời sống nhân dân”<sup>7</sup>.

*Năm là, củng cố tiền tệ, giữ vững giá hàng:* “Giữ giá đồng bạc, tránh lạm phát. Dùng tiền Việt Nam sản xuất... Chính phủ cần bảo đảm cung cấp mấy thứ hàng chính (như gạo, muối, vải, giấy...) cho cơ quan, bộ đội và nhân dân để giữ vững giá sinh hoạt”<sup>8</sup>.

## 2. Những kết quả đạt được

### *Về nông nghiệp*

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, phong trào tăng gia sản xuất đã diễn ra sôi nổi trên khắp cả nước. Các cơ quan, đơn vị và nhân dân ở các vùng do ta kiểm soát đều tích cực tham gia sản xuất, khai phá thêm đất đai để mở rộng sản xuất. Nhân dân tản cư từ thành

thị về nông thôn cũng khai phá đất đai để trồng trọt, chăn nuôi. Kết quả, trong suốt cuộc kháng chiến, mặc dù có nhiều khó khăn trong sản xuất, song không nơi nào xảy ra nạn đói.

Về ruộng đất, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến hết năm 1952, Đảng và Chính phủ chưa chủ trương làm cách mạng ruộng đất, nhưng đã có nhiều biện pháp để giải quyết vấn đề ruộng đất. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng (1-1948) về việc “Triệt để thực hiện việc giảm 25% địa tô”<sup>9</sup> và Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (1948) về việc “Thi hành giảm địa tô 25% theo đúng Sắc lệnh của Chính phủ”<sup>10</sup>, ngày 14-7-1949, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký ban hành Sắc lệnh số 78/SL về “giảm địa tô 25% mức địa tô trước 19-8-1945”, đồng thời thành lập Hội đồng giảm tô ở các tỉnh để xử lý tranh chấp về giảm tô, tuyên bố xóa bỏ tất cả các khoản nợ của nông dân đến trước Cách mạng Tháng Tám. Cùng với chính sách giảm tô, Đảng và Chính phủ từng bước chỉ đạo việc đem lại ruộng đất cho nông dân: ngày 1-7-1949, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 75/SL với nội dung: xung vào công quỹ quốc gia những ruộng đất và tài sản phụ thuộc của những phạm nhân bị kết án về các tội làm phương hại đến nền độc lập quốc gia; tạm cấp ruộng, bãi, cây lúa và trồng màu cho dân cây cấy. Ngày 22-5-1950, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 88/SL quy định về thể lệ lĩnh canh ruộng đất và Sắc lệnh số 90/SL quy định về việc tạm cấp ruộng đất bỏ hoang cho dân cày nghèo. Bước sang năm 1953, để động viên tinh thần chiến đấu của toàn quân, toàn dân trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Đảng và Chính phủ quyết định thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất ngay trong

kháng chiến. Tháng 11-1953, HNTƯ 5, khóa II và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng quyết định tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất. Tháng 12-1953, Kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa I nhất trí với chủ trương của Đảng và thông qua *Luật Cải cách ruộng đất*.

Ngoài thực hiện chính sách ruộng đất, Đảng và Chính phủ cũng có nhiều biện pháp để khuyến khích sản xuất nông nghiệp như: hỗ trợ cho nông dân vay vốn; tổ chức cho nhân dân tu bổ đê điều, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất; vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể. Song song với đó, công tác bảo vệ sản xuất cũng được chú trọng. Ở các vùng địch hậu, nơi nào có phong trào du kích phát triển mạnh, nơi đó đều dựa vào các làng, xã kháng chiến để chống lại các cuộc càn quét của địch. Trước các cuộc càn quét, nhân dân đều được chỉ đạo tiến hành thu hoạch sớm, sơ tán, cất giấu thóc gạo. Ở những nơi phong trào du kích chưa phát triển, các địa phương đẩy mạnh các phong trào đấu tranh chính trị, chống thu thuế, chống địch phá hoại mùa màng...

Với chủ trương đúng đắn của Đảng, dù trong điều kiện chiến tranh, kinh tế nông nghiệp vẫn không ngừng phát triển. Tính trong suốt thời kỳ kháng chiến, “khoảng 2/3 nông dân trong cả nước đã có ruộng cày. Nông dân thực sự làm chủ nông thôn”<sup>11</sup>. Sản lượng lương thực quy thóc “năm 1954 đạt 2,95 triệu tấn, tăng 13,7% so với năm 1946, trong đó riêng thóc đạt 2,3 triệu tấn, tăng 15,9%”<sup>12</sup>. Tại các vùng địch hậu, mặc dù có nhiều khó khăn, song lương thực vẫn đảm bảo đời sống nhân dân. Nhiều địa phương, lương thực, thực phẩm không những đảm bảo nhu cầu dân sinh, kháng chiến tại chỗ mà còn cung cấp được cả cho tiền tuyến, đó là những “thắng lợi cực kỳ quan trọng của nền kinh tế kháng chiến”<sup>13</sup>.

*Về tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp*

Đối với tiểu thủ công nghiệp, thực hiện quan điểm “sản xuất nhằm thỏa mãn nhu cầu của thời chiến”, những ngành thiết yếu phục vụ kháng chiến được phục hồi và phát triển. Chính phủ áp dụng các biện pháp khuyến khích thợ thủ công sản xuất như cho vay vốn, định mức thuế thích hợp cho từng loại và phổ biến kinh nghiệm sản xuất. Với sự giúp đỡ của Chính phủ, các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã đáp ứng được một phần nhu cầu của nhân dân. Nghề sản xuất

giấy, giai đoạn đầu kháng chiến chưa có cơ sở sản xuất nào nhưng đến năm 1950 “mỗi Liên khu có hàng trăm xưởng nhỏ, sản xuất giấy ở mức tối thiểu cho học sinh, các cơ quan, cho báo chí và xuất bản sách”<sup>14</sup>. Nghề dệt được xây dựng ở tất cả các nơi trong vùng kháng chiến. Liên khu V “sản xuất đủ vải mặc cho nhân dân và bộ đội toàn Liên khu, còn chi viện được vải mặc cho bộ đội Bình Trị Thiên và miền Đông Nam Bộ”<sup>15</sup>.

Trong công nghiệp, công nghiệp quốc phòng được ưu tiên phát triển. Một số xưởng quân giới được xây dựng trước Cách mạng Tháng Tám ở Cao Bằng, Quảng Ngãi,... vẫn tiếp tục hoạt động, thành lập thêm nhiều công binh xưởng mới ở những vùng ta làm chủ. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng được tổ chức theo quy mô nhỏ, phân tán, bí mật, rải rác, dễ di chuyển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ cùng tinh thần lao động tích cực, sáng tạo của nhân dân, chi

tính riêng số lượng vũ khí, đạn dược “do các xưởng quân giới từ Liên khu IV trở ra sản xuất, không kể các xưởng quân giới từ Liên khu V trở vào và các xưởng sản xuất vũ khí của các địa phương, tổng từ năm 1946 đến năm 1954 là 2.633 tấn”<sup>16</sup>. Nhiều loại vũ khí mới đã được chế tạo như súng cối, súng phóng bom, súng không giật SKZ. Các ngành quân y, quân dược, quân nhu đều nêu cao tinh thần tự lực, tự cường đáp ứng được yêu cầu cơ bản của nhiệm vụ quốc phòng.

**Những năm 1946-1954, Đảng và Chính phủ có nhiều biện pháp khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Song song với đó, công tác bảo vệ sản xuất cũng được chú trọng. Ở các vùng địch hậu, nơi nào có phong trào du kích phát triển mạnh, nơi đó đều dựa vào các làng, xã kháng chiến để chống lại các cuộc càn quét của địch. Trước các cuộc càn quét, nhân dân đều được chỉ đạo tiến hành thu hoạch sớm, sơ tán, cất giấu thóc gạo. Ở những nơi phong trào du kích chưa phát triển, các địa phương đẩy mạnh các phong trào đấu tranh chính trị, chống thu thuế, chống địch phá hoại mùa màng...**

Ngoài công nghiệp quốc phòng, các cơ sở công nghiệp dân dụng cũng được xây dựng dưới hình thức công nghiệp quốc doanh, sản xuất và lưu thông theo kế hoạch của nhà nước. Công nghiệp quốc doanh phát triển mạnh ở các ngành khai khoáng: mỏ than (ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Hà Nam, Ninh Bình, Hà Tĩnh); mỏ kim loại (thiếc ở Cao Bằng, chì, kẽm ở Tuyên Quang)... Ở Việt Bắc có Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Những cơ sở kinh tế quốc doanh đầu tiên tuy nhỏ bé nhưng đã đáp ứng nhu cầu tối thiểu về hàng tiêu dùng cho kháng chiến và nhân dân.

*Về giao thông vận tải, thương nghiệp*

Bước vào cuộc kháng chiến, công việc đầu tiên của giao thông vận tải là phá hoại tuyến đường giao thông vận tải và các phương tiện vận tải của địch. Khi cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn phát triển cao, nhu cầu vận

chuyên bằng xe cơ giới ngày càng nhiều, ta chủ trương mở rộng các tuyến đường. Từ năm 1950 đến năm 1954 “ta đã sửa chữa và khôi phục được 3.670 km đường bộ. Xây dựng 505 km đường mới, tu sửa 1.210 km đường cũ, bắc lại và làm thêm 47.000 m cầu, sửa chữa 458 km đường sắt”<sup>17</sup>. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, ngoài hình thức vận tải bằng các phương pháp thô sơ, hàng trăm xe cơ giới cũng được sử dụng để vận chuyển hàng hóa. Ngành giao thông vận tải đã đóng góp một phần quan trọng vào chiến thắng của dân tộc, đồng thời thúc đẩy giao lưu kinh tế giữa các vùng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hoạt động thương nghiệp trong vùng tự do, các chợ vẫn duy trì và hoạt động thậm chí có phần sầm uất hơn trước, người đi chợ không chỉ là người dân quanh vùng mà có thêm cả bộ đội, cán bộ và đặc biệt là nhân dân từ các thành phố lớn đi tản cư. Nhiều phố phường kháng chiến xuất hiện tại những nơi mà trước đây ít ai biết đến, như Đại Từ (Thái Nguyên), Nho Quan (Ninh Bình)... Tuy nhiên, giai đoạn đầu cuộc kháng chiến, thương nghiệp chủ yếu nằm trong tay tư nhân, Nhà nước chỉ có cơ quan tiếp liệu để mua nhu yếu phẩm cho cơ quan và bộ đội. Từ năm 1951, Chính phủ mới thành lập cơ quan thương nghiệp (còn gọi là mật dịch quốc doanh) chuyên lo kinh doanh một số nhu yếu phẩm tối cần thiết phục vụ cho kháng chiến. Từ sau Đại hội II (2-1951) của Đảng, Đảng chủ trương chuyển từ triệt để bao vây kinh tế địch sang vừa bao vây vừa lợi dụng kinh tế địch. Theo đó, Chính phủ lập ra các chi điểm đàm đương việc buôn bán với vùng tạm bị chiếm. Những chi điểm thông qua các thương nhân đưa nông thổ sản vào vùng Pháp chiến đóng bán lấy tiền và mua những nhu yếu phẩm chuyển ra cho mật dịch quốc doanh.

Chính sách này đã tháo gỡ rất nhiều khó khăn cho kinh tế vùng tự do, đáp ứng được nhiều nhu cầu thiết yếu của nhân dân và bộ đội. Từ cuối năm 1950 đến năm 1954, vùng giải phóng được mở rộng, cửa khẩu biên giới Việt-Trung được khai thông góp phần tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng, đáp ứng nhu cầu cho kháng chiến và dân sinh.

#### *Về tài chính và tiền tệ*

Chủ trương của Đảng là tổ chức một nền tài chính kháng chiến, nền tài chính tự lực, tự cường, nền tài chính độc lập, tự chủ. Mặc dù đã có chủ trương song giai đoạn đầu kháng chiến, Chính phủ chưa thể đặt ra các chế độ thuế ổn định. Nguồn thu của Nhà nước cơ bản dựa vào sự đóng góp tự nguyện của nhân dân. Từ năm 1951, căn cứ vào sự phát triển của sự nghiệp kháng chiến, thực hiện chủ trương của Đảng được đề ra tại Đại hội II, Chính phủ đã ban hành các chính sách về thuế, trong đó thuế nông nghiệp (Sắc lệnh số 13/SL, ngày 1-5-1951 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký) là quan trọng nhất, không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà có cả ý nghĩa về chính trị, xã hội. Nguyên tắc cơ bản của thuế nông nghiệp là người giàu nộp nhiều, người nghèo nộp ít sát với khả năng. Từ khi chính sách thuế được ban hành, Nhà nước đã có một nguồn thu ổn định, nhân dân giảm bớt được nhiều khoản thu tự phát. Tổng mức thuế thu bằng thóc tính từ Liên khu V trở ra, từ năm 1951 đến năm 1954 là 1.322.620 tấn thóc. Nếu tính cả gần 200.000 tấn thóc quy ra tiền ở các vùng tạm bị chiếm, tổng cộng là “khoảng 1,5 triệu tấn thóc trong 4 năm 1951-1954”<sup>18</sup>.

Về công tác chi, Chính phủ chỉ đạo thực hiện tiết kiệm chi, giảm biên chế khu vực hành chính. Phần chi được dồn trọng tâm cho nhiệm vụ kháng chiến, việc gì không trực tiếp có lợi cho kháng chiến, cho tiền tuyến thì kiên quyết

bỏ, giảm hoàn toàn. Kết quả, nhờ thực hiện chính sách tăng thu, giảm chi, thống nhất quản lý thu chi, “năm 1951 thu chi đã thăng bằng. Từ năm 1952, thu đã trội hơn chi”<sup>19</sup>.

Về tiền tệ, khi cuộc kháng chiến ngày càng quyết liệt, yêu cầu quản lý thống nhất về tiền tệ ngày càng lớn hơn, ngày 6-5-1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam. Ngân hàng có nhiệm vụ phát hành tiền, quản lý lưu thông tiền tệ, huy động vốn và cho vay phát triển sản xuất, quản lý ngoại hối và đấu tranh với địch trên lĩnh vực tiền tệ. Ngân hàng có chi nhánh ở các tỉnh và các trạm đổi tiền ở vùng giáp ranh giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm. Ở miền Nam, do xa Trung ương, Chính phủ cho phép thành lập Ngân hàng nhân dân và phát hành tiền riêng theo sự chỉ dẫn của Ngân hàng quốc gia. Sau khi thành lập, Ngân hàng quốc gia Việt Nam đã phát hành tiền mới, đổi lấy tiền cũ. Đây là lần cải cách tiền tệ đầu tiên ở Việt Nam, góp phần ổn định đồng tiền, giá cả bình ổn, tạo điều kiện cải thiện đời sống nhân dân. Công tác đấu tranh tiền tệ với địch cũng diễn ra quyết liệt. Ở những vùng đang tranh chấp, ta chủ trương cấm lưu hành các thứ tiền do thực dân Pháp phát hành. Ở những vùng xa vị trí địch hoặc vùng du kích hoạt động mạnh, Chính phủ vận động nhân dân tiêu tiền Việt Nam, loại bỏ tiền Đông Dương. Ở những vùng tạm thời bị chiếm đóng, vì điều kiện khó khăn, Chính phủ vận động nhân dân tiêu tiền Việt Nam. Kết quả của công tác đấu tranh tiền tệ, giá trị đồng tiền của ta dần được nâng lên, đồng Đông Dương ngày càng mất giá.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế kháng chiến đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Từ một nền kinh tế sau Cách mạng Tháng Tám

kiệt quệ, nghèo nàn, lạc hậu, đến năm 1954 đã có bước phát triển. Giai đoạn 1946-1954 nền kinh tế Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã phát triển, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo tiềm lực kinh tế cho cuộc kháng chiến góp phần vào thắng lợi chung của cả dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr.181

2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, Nxb ST, H, 1975, T. 2, tr. 47, 47-48, 50, 51, 51, 51, 52

9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 9, tr. 31, 100

11, 13, 14, 15, 16, 18, 19. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh- trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 343, 344, 455, 455, 453, 458, 457

12. <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/kinhtexahoi>, truy cập ngày 10-9-2021

17. Nguyễn Trí Đình - Phạm Thị Quý: *Giáo trình Lịch sử kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, H, 2006, tr. 336.